|  |  |
| --- | --- |
| UBND THÀNH PHỐ TÂN AN  **TRƯỜNG TIỂU HỌC VÕ THỊ SÁU**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Số: 36/QĐ-TH VTS | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập-Tự do- Hạnh phúc**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  *Phường 1, ngày 17 tháng 01 năm 2022* |

**Quy định thống nhất tổ chức đánh giá học sinh Tiểu học**

**thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông ứng phó dịch Covid-19**

Thực hiện Công văn số 10/PGDĐT-TH ngày 12/01/2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Thành phố Tân An về việc hướng dẫn tổ chức đánh giá học sinh Tiểu học thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông ứng phó dịch Covid-19. Trường TH Võ Thị Sáu thống nhất quy định tổ chức đánh giá học sinh Tiểu học cụ thể như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

Việc kiểm tra, đánh giá được thực hiện theo quy định hiện hành, đảm bảo đánh giá đúng chất lượng học tập của học sinh, linh hoạt trong việc tổ chức thực hiện để ứng phó với dịch Covid-19 và cần chú ý thực hiện một số nội dung sau:

**1. Đánh giá thường xuyên**

Trong quá trình tổ chức dạy học trực tuyến (hoặc trực tiếp kết hợp với trực tuyến) giáo viên chú trọng việc giao nhiệm vụ học tập cho học sinh; thực hiện linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật đánh giá thường xuyên theo quy định; tăng cường khuyến khích, động viên, hướng dẫn, hỗ trợ học sinh tự học, tự hoàn thành nhiệm vụ học tập, hoàn thành phiếu học tập, thu thập thông tin phản hồi qua các buổi học trực tuyến để đánh giá học sinh. Hướng dẫn để phụ huynh học sinh tham gia vào quá trình đánh giá học sinh, khuyến khích, hỗ trợ học sinh tự học, luyện tập, thực hành, vận dụng, trải nghiệm kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống hàng ngày để hình thành các phẩm chất, năng lực theo yêu cầu cần đạt của từng môn học, hoạt động giáo dục; quan sát các biểu hiện, yêu cầu cần đạt một số phẩm chất, năng lực của học sinh thông qua trao đổi, trò chuyện, tương tác và giao nhiệm vụ cho học sinh ở nhà để phản hồi thông tin, trao đổi cùng giáo viên trong quá trình đánh giá.

Đối với hình thức học tập qua truyền hình do giáo viên chủ nhiệm hướng dẫn trên kênh Youtube Giáo dục Long An, Kho học liệu Long An, MyTV Long An, và các kênh truyền hình khác,…giáo viên thực hiện giao nhiệm vụ học tập thông qua các hình thức linh hoạt và phù hợp với tình hình thực tế, chú ý hướng dẫn, hỗ trợ học sinh tự học, tự hoàn thành nhiệm vụ học tập gắn với nội dung dạy học trên truyền hình; tổ chức thực hiện phiếu học tập để hướng dẫn học sinh tự học, hoàn thành nhiệm vụ học tập theo yêu cầu cần đạt của từng môn học, hoạt động giáo dục; phối hợp với gia đình học sinh thực hiện tổ chức dạy học và đánh giá học sinh trong quá trình học tập với hình thức phù hợp; hướng dẫn học sinh thực hiện phản hồi thông tin qua phiếu học tập; ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện giao bài, nhận bài và sản phẩm học tập của học sinh qua các ứng dụng phần mềm phổ biến, thuận tiện trong sử dụng như zalo, facebook, email...

**2. Đánh giá định kỳ**

Việc đánh giá định kỳ về nội dung học tập các môn học, hoạt động giáo dục (Hoàn thành tốt, Hoàn thành, Chưa hoàn thành), về sự hình thành và phát triến phẩm chất, năng lực (Tốt, Đạt, Cần cố gắng) theo quy định được thực hiện khi học sinh đã được học nội dung chương trình các môn học, hoạt động giáo dục tương ứng; đã được giáo viên tổ chức thực hiện đánh giá thường xuyên trong quá trình học tập; được tổng hợp kết quả đánh giá tại các thời điểm theo quy định (giữa học kỳ I, cuối học kỳ I, giữa học kỳ II và cuối năm học) và được thực hiện linh hoạt vào các thời điểm phù hợp với điều kiện tổ chức dạy học thực tế tại địa phương.

Việc tổ chức bài kiểm tra định kỳ phải tổ chức nghiêm túc, đúng quy định, đánh giá đúng chất lượng học tập của học sinh, có thể thực hiện chia lớp thành nhiều nhóm nhỏ, linh hoạt thực hiện vào các thời điểm phù hợp với từng đối tượng và tình hình diễn biến dịch Covid-19 tại địa phương, trong đó:

**- Đối với lớp 1, lớp 2:** Bài kiểm tra định kỳ được tổ chức bằng hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến. Thực hiện các giải pháp linh hoạt, phù hợp với thực tế đảm bảo an toàn trong phòng dịch, cụ thể: lập kế hoạch thời gian thực hiện bài kiểm tra định kỳ; tổ chức họp với cha mẹ học sinh để phổ biến, hướng dẫn, tạo sự đồng thuận về phương án thực hiện; tổ chức hướng dẫn, ôn tập, bổ sung, củng cố kiến thức, định hướng nội dung “cốt lõi” cho học sinh trước khi tổ chức bài kiểm tra định kỳ đối với môn Toán, môn Tiếng Việt linh hoạt vào các thời điểm, phù hợp với từng đối tượng và tình hình diễn biến dịch Covid-19 để đánh giá học sinh cuối học kỳ I và cuối năm học theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định đánh giá học sinh Tiểu học.

**Đối với các lớp 3, lớp 4, lớp 5**: Bài kiểm tra định kỳ được tổ chức linh hoạt bằng các hình thức trực tiếp, trực tuyến khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định, phù hợp với điều kiện cụ thể và diễn biến tình hình dịch Covid-19 tại thời điểm tổ chức đánh giá; thực hiện bài kiểm tra định kỳ đối với các môn học: Tiếng Việt, Toán, Khoa học, Lịch sử và Địa lí, tiếng Anh, Tin học tại các thời điểm cuối học kỳ I và cuối năm học; riêng lớp 4, lớp 5 có thêm bài kiểm tra định kỳ vào giữa học kỳ I và giữa học kỳ II đối với môn Toán và môn Tiếng Việt theo quy định tại Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học, bổ sung sửa đổi Thông tư số 30/2014/TT-GDĐT ngày 28/8/2014 của Bộ GD&ĐT.

**Nội dung đề kiểm tra định kỳ** phù hợp với yêu cầu cần đạt về nội dung học tập và các thành phần năng lực của môn học, gồm các câu hỏi, bài tập được thiết kế đảm bảo các mức theo quy định, **tập trung vào nội dung học tập “cốt lõi”** theo Công văn số 2446/SGDĐT-GDMN-GDTH ngày 20/9/2021 của Sở GD&ĐT về việc triển khai thực hiện Công văn số 3969/BGDĐT-GDTH ngày 10/9/2021 về việc hướng dẫn thực hiện Chương trình GDPT cấp tiểu học năm học 2021-2022 ứng phó với dịch Covid-19 của Bộ GD&ĐT.

II.QUY ĐỊNH CỤ THỂ

**1. Thời gian kiểm tra**:

- Kiểm tra Giữa học kỳ I: (Khối 4,5) Dự kiến Tuần 6

- Kiểm tra Cuối học kỳ I: (Cả 5 khối) Dự kiến Tuần 12

- Kiểm tra Giữa học kỳ I: (Khối 4,5) Dự kiến tuần 20

- Kiểm tra Giữa học kỳ I: (Cả 5 khối) Dự kiến tuần 27

(có lịch cụ thể kèm theo từng đợt kiểm tra)

**2. Công tác kiểm tra**

**2.1. Kiểm tra Giữa học kỳ ( Khối 4, 5).**

**a.Tổ chức ra đề kiểm tra:**

**-** Giáo viên dạy lớp nào thì ra 01 bộ đề kiểm tra cho lớp đó. Sau đó tổ trưởng tiến hành họp toàn thể giáo viên trong tổ để cùng thảo luận, trao đổi, góp ý xây dựng 01 bộ đề và đáp án chung cả khối sao cho phù hợp với trình độ của tất cả các lớp. Tổ trưởng gởi 01 bộ và đáp án chung của tổ về Ban lãnh đạo nhà trường để duyệt và photocoppy.

**b. Yêu cầu đề kiểm tra:**

**-** Thực hiện theo Thông tư 22/2016 TT-BGDĐ về sửa đổi, bổ sung một số điều ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 và văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT, ngày 28/9/2016 Thông tư Ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học của Bộ GD&ĐT).

**-** Đảm bảo theo chuẩn kiến thức và kỹ năng của từng khối lớp;

**-** Chính xác và khoa học, đánh giá được kết quả thực chất của học sinh.

**c. Việc coi và chấm bài kiểm tra:**

- Giáo viên dạy lớp nào chịu trách nhiệm coi và chấm bài kiểm tra của lớp đó.

- Thực hiện đánh giá và nhận xét theo quy định tại Thông tư 22/2016 TT-BGDĐ về sửa đổi, bổ sung một số điều ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 và văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT, ngày 28/9/2016 Thông tư Ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học của Bộ GD&ĐT).

- Bài kiểm tra giữa học kỳ được giáo viên sửa lỗi, nhận xét, cho điểm theo thang 10 điểm, không cho điểm 0, không cho điểm thập phân và được trả lại cho học sinh.

- Khi chấm bài kiểm tra giữa học kỳ giáo viên ghi nhận những hạn chế của HS trong quá trình làm bài, kèm theo lời nhận xét tường minh để giúp GV và phụ huynh có cơ sở tập trung bồi dưỡng và rèn luyện cho HS trong học kỳ tiếp theo.

**d. Việc thực hiện tổ chức kiểm tra giữa học kỳ:**

Kiểm tra giữa học kỳ 1 là việc làm bình thường nhằm nắm bắt tình hình học sinh. Do đó, giáo viên không tạo áp lực cho cha mẹ học sinh và các em học sinh trước khi kiểm tra. Trong khi kiểm tra, giáo viên tổ chức cho học sinh làm dưới dạng một bài kiểm tra bình thường, nhẹ nhàng, không gây căng thẳng.

**e. Đề kiểm tra các môn bám sát những quy định tại điều 10 của TT30/2014 và một số sửa đổi bổ sung ở TT 22/2016 và văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT, ngày 28/9/2016.**

Đề kiểm tra phải phù hợp với chuẩn kiến thức, kỹ năng và định hướng phát triển năng lực, gồm các câu hỏi, bài tập được thiết kế theo các mức như sau:

Mức 1: nhận biết, nhắc lại được kiến thức, kỹ năng đã học;

Mức 2: hiểu kiến thức, kỹ năng đã học, trình bày, giải thích được kiến thức theo cách hiểu cá nhân;

Mức 3: biết vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những vấn đề quen thuộc, tương tự trong học tập, cuộc sống;

Mức 4: vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết vấn đề mới hoặc đưa ra những phản hồi hợp lý trong học tập, cuộc sống một cách linh hoạt;

**\*. Môn toán:**

***- Thời gian làm bài:***  Lớp 4, 5: 40 phút.

***- Đối với các mạch kiến thức:***

+ Số học (khoảng 50%): Củng cố về các vòng số và các phép tính trên các vòng số.

+ Đại lượng và đo đại lượng (khoảng 27%): tập trung về các bảng đơn vị đo.

+ Yếu tố hình học (khoảng 23%): Xoay quanh các hình trọng tâm trong chương trình đã học.

**\* Lưu ý:** Giải toán có lời văn được tích hợp vào trong ba mạch kiến thức trên với mức độ khác nhau, chủ yếu ở mức độ vận dụng.

+ Lớp 4: tối đa 3 lời giải và 3 phép tính;

+ Lớp 5: tối đa 4 lời giải và 4 phép tính.

***- Đối với mức độ nhận thức:***

+ Mức 1: Khoảng 40%

+ Mức 2 : Khoảng 30%

+ Mức 3: Khoảng 20%

+ Mức 4: Khoảng 10%

- ***Ra đề thi theo ma trận***

+ Khung ma trận, mỗi ô trong khung nêu: Nội dung kiến thức, kĩ năng cần đánh giá; Hình thức các câu hỏi; Số lượng câu hỏi; Số điểm dành cho các câu hỏi

 + Khung ma trận câu hỏi, mỗi ô trong khung nêu: Hình thức các câu hỏi; Số thứ tự của câu hỏi trong đề; Số điểm dành cho các câu hỏi.

**\*. Môn Tiếng Việt:**

- Bám sát các nội dung đã được tập huấn trong đợt bồi dưỡng chuyên môn về cách ra đề qua đó đặc biệt chú ý các nội dung sau:

- Đảm bảo các mức độ nhận thức cần đạt trong đề kiểm tra:

+ Mức 1: Nhận biết: khoảng 40%;

+ Mức 2: Thông hiểu: khoảng 30%;

+ Mức 3: Vận dụng: khoảng 20%.

+ Mức 4: Vận dụng linh hoạt, sáng tạo: Khoảng 10%

- Nội dung đề thi được xây dựng theo ma trận đã tập huấn, yêu cầu đảm bảo mức độ chuẩn kiến thức, kĩ năng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Nội dung kiểm tra theo từng khối lớp (dạng bài đọc thầm, đọc thành tiếng, Chính tả, Tập làm văn, số lượng câu hỏi theo từng phần, thời gian hoàn thành nội dung kiểm tra theo quy định…).

- Tỉ lệ điểm giữa các nội dung kiểm tra trong đề theo từng khối lớp.

**2.2. Kiểm tra cuối học kỳ.**

**a.Tổ chức ra đề kiểm tra:**

**-** Giáo viên dạy lớp nào thì ra 01 bộ đề kiểm tra cho lớp đó (có kèm theo ma trận đề kiểm tra). Sau đó tổ trưởng tiến hành họp toàn thể giáo viên trong tổ để cùng thảo luận, trao đổi, góp ý xây dựng 02 bộ đề (có cùng cấu trúc nhưng khác về nội dung) và hướng dẫn chấm chung cả khối sao cho phù hợp với trình độ của tất cả các lớp. Tổ trưởng gởi 02 bộ đề chung và tất cả bộ đề của giáo viên trong khối có hướng dẫn chấm cho từng bộ đề đã được tổ trưởng ký duyệt về BLĐ trường để duyệt lại thành một đề kiểm tra chính thức và photocoppy. (Lưu ý các bộ đề soạn phải sử dụng đúng Font chữ Times New Roman, size 14).

**b. Yêu cầu đề kiểm tra:**

**-** Thực hiện theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 (đối với lớp 1,2); Thông tư 30 và Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016; và Văn bản hợp nhất số 03/ VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 (đối với lớp 3,4,5);

**-** Đảm bảo theo chuẩn kiến thức và kỹ năng của từng khối lớp;

**-** Chính xác và khoa học, đánh giá được kết quả thực chất của học sinh.

**c. Việc coi và chấm bài kiểm tra:**

**-** Thực hiện đánh giá và nhận xét theo quy định tại Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 (đối với lớp 1,2); Thông tư 30 và Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016; và Văn bản hợp nhất số 03/ VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 (đối với lớp 3,4,5);

- Giáo viên dạy lớp nào chịu trách nhiệm coi và chấm bài kiểm tra của lớp đó.

- Bài kiểm tra định kỳ cuối năm được giáo viên sửa lỗi, nhận xét những ưu điểm và góp ý những hạn chế, cho điểm cuối cùng theo thang điểm 10, không cho điểm thập phân, bài kiểm tra trả lại cho học sinh.

- Riêng giáo viên dạy bộ môn Tin học, tiếng Anh sẽ chấm bài lớp mình giảng dạy.

**d. Việc thực hiện tổ chức kiểm tra cuối kỳ:**

Kiểm tra cuối kỳ là việc làm bình thường nhằm đánh giá chất lượng dạy học. Do đó, giáo viên không tạo áp lực cho cha mẹ học sinh và các em học sinh trước khi kiểm tra. Trong khi kiểm tra, giáo viên chủ nhiệm coi thi tại lớp mình phụ trách, tổ chức cho học sinh làm dưới dạng một bài kiểm tra bình thường, nhẹ nhàng, không gây căng thẳng. Khi chấm kiểm tra, giáo viên chủ nhiệm ghi nhận xét, lưu ý những hạn chế của học sinh trong quá trình làm bài, kèm theo lời nhận xét tường minh để giúp giáo viên và phụ huynh có cơ sở tập trung bồi dưỡng và rèn luyện cho học sinh.

**e. Đối với các môn kiểm tra cần bám sát những quy định tại Điều 07 Thông tư 27 và Điều 10 Thông tư 30 và Thông tư 22, văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT, cụ thể đối với từng môn.**

**\*. Đối với lớp 1, 2: thực hiện theo Điều 07 Thông tư 27**

- Đề kiểm tra định kỳ cuối kỳ phù hợp với yêu cầu cần đạt và các biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của môn học, gồm các câu hỏi, bài tập được thiết kế theo các mức như sau:

+ Mức 1: Nhận biết, nhắc lại hoặc mô tả được nội dung đã học và áp dụng trực tiếp để giải quyết một số tình huống, vấn đề quen thuộc trong học tập;

+ Mức 2: Kết nối, sắp xếp được một số nội dung đã học để giải quyết vấn đề có nội dung tương tự;

+ Mức 3: Vận dụng các nội dung đã học để giải quyết một số vấn đề mới hoặc đưa ra những phản hồi hợp lý trong học tập và cuộc sống.

- Nội dung kiểm tra cần được xác định rõ ràng theo yêu cầu cần đạt môn học đến cuối năm học.

+ Các câu hỏi, bài tập trong đề kiểm tra có thể là câu hỏi trắc nghiệm khách quan (nhiều lựa chọn, trả lời ngắn, đúng – sai, nối) hoặc tự luận. Cần tăng cường loại câu hỏi mở, bài tập phát huy năng lực tư duy của học sinh.

+ Tỉ lệ số câu, số điểm theo các mức và hình thức câu hỏi trong đề kiểm tra (trắc nghiệm khách quan, tự luận, hình thức khác) do hiệu trưởng quyết định, đảm bảo yêu cầu cần đạt được môn học, phù hợp với đối tượng học sinh.

+ Tùy theo từng trường có thể đưa ra tỉ lệ ở các mức khác nhau phù hợp với yêu cầu đánh giá của từng địa phương, chẳng hạn: Mức 1: Khoảng 50%; Mức 2: Khoảng 30%; Mức 3: Khoảng 20%.

- Thời lượng làm bài kiểm tra khoảng 30 – 40 phút (theo thời gian của 1 tiết học theo từng lớp).

- Ma trận đề kiểm tra

*+ Ma trận nội dung:*mỗi ô nêu nội dung kiến thức, kĩ năng cần đánh giá; Hình thức các câu hỏi; Số lượng câu hỏi; Số điểm dành cho các câu hỏi.

*+ Ma trận câu hỏi:*mỗi ô nêu hình thức các câu hỏi; Số thứ tự của câu hỏi trong đề; Số điểm dành cho các câu hỏi.

- Về việc nghiệm thu, bàn giao đối với lớp 1,2 thực hiện theo Điều 12 của Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học.

**\*. Đối với lớp 3,4,5**

**- Đối với lớp 3, lớp 4:Hiệu trưởng chỉ đạo ra đề kiểm tra, coi, chấm bài kiểm tra (Điều 10 Thông tư 30 và Thông tư 22, văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016).**

Về việc nghiệm thu bàn giao: Giáo viên chủ nhiệm trao đổi với giáo viên sẽ nhận học sinh vào năm học tiếp theo về những nét nổi bật hoặc hạn chế cuả học sinh, bàn giao hồ sơ đánh giá học sinh theo Quy định tại khoản 2 điểm a Điều 15 của văn bản số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 của Thông tư Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học.

**- Đối với học sinh khối lớp 5**

- Hiệu trưởng chỉ đạo tổ chuyên môn ra đề kiểm tra định kì cuối năm học cho cả khối; tổ chức coi, chấm bài kiểm tra có sự tham gia của giáo viên trường Trung học cơ sở trên cùng địa bàn; Giáo viên chủ nhiệm hoàn thiện hồ sơ đánh giá học sinh, bàn giao cho nhà trường theo Quy định tại khoản 2 điểm b Điều 15 của văn bản số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 của Thông tư Ban hành Quy định đánh giá học sinh Tiểu học.

- Đối với các môn kiểm tra cần bám sát những Quy định tại khoản 2 điểm b Điều 10 văn bản số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 của Thông tư Ban hành Quy định đánh giá học sinh Tiểu học. Cấu trúc đề thi theo hướng dẫn cách thức đánh giá học sinh Tiểu học theo Thông tư 22 của từng môn học. Yêu cầu kiểm tra cần bám sát trọng tâm, trọng điểm theo kế hoạch giảng dạy của trường.

- Công tác nghiệm thu, bàn giao chất lượng giáo dục học sinh: các trường thực hiện theo khoản 3 điều 15 của văn bản số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 của Thông tư Ban hành Quy định đánh giá học sinh Tiểu học.

**\* Cụ thể các môn:**

Môn Toán:

+ Thời gian làm bài:

* Lớp 1: 35 phút
* Lớp 2, 3, 4, 5: 40 phút

+ Mức độ và mạch kiến thức, kỹ năng:

1. Đối với lớp 1:

* Số học khoảng 90%
* Hình học khoảng 10%.

+ Tỉ lệ các mức:

* Mức 1: Nhận biết: khoảng 50% (5 câu);
* Mức 2: Giải quyết vấn đề có nội dung tương tự: khoảng 30% (3 câu); '
* Mức 3: Biết vận dụng nội dung đã học để giải quyết những vấn đề mới: khoảng 20% (2 câu);

1. Đối với lớp 2,3:

* Số học khoảng 70%
* Đại lượng và đo đại lượng khoảng 13%
* Hình học khoảng 17%.

+ Tỉ lệ các mức:

* Mức 1: Nhận biết: khoảng 30% (3 câu)
* Mức 2: Thông hiểu: khoảng 30% (3 câu)

- Mức 3: Biết vận dụng giải quyết những vấn đề quen thuộc: khoảng 30%

( 3 câu).

- Mức 4: Vận dụng giải quyết vấn đề mới: khoảng 10% (1câu).

c) Đối với lớp 4,5:

* Số học khoảng 67%
* Đại lượng và đo đại lượng khoảng 23%
* Hình học khoảng 10%.

+ Tỉ lệ các mức:

* Mức 1: Nhận biết: khoảng 20% (2 câu)
* Mức 2: Thông hiểu: khoảng 20% (2 câu)
* Mức 3: Biết vận dụng giải quyết những vấn đề quen thuộc: khoảng 30%

(3 câu)

* Mức 4: Vận dụng giải quyết vấn đề mới: khoảng 30% (3 câu).

*+ Ra đề kiểm tra theo ma trận*

Khung ma trận, mỗi ô trong khung nêu: Mạch kiến thức, kĩ năng cần đánh giá; số câu, số điểm; các mức; tổng số câu, số điểm.

(Tham khảo tài liệu tập huấn hướng dẫn đánh giá học sinh tiểu học môn Toán theo Thông tư 22 *và Văn bản hợp nhất số 03/ VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016;*)

Môn Tiếng Việt:

Kiểm tra định kì có 2 bài kiểm tra: Đọc, viết, bao gồm:

+ Bài kiểm tra đọc: (10 điểm).

+ Bài kiểm tra viết: (10 điểm).

Điểm kiểm tra định kì môn Tiếng Việt (điểm chung) là trung bình cộng của 2 bài kiểm tra Đọc, Viết quy về thành 10 (chia số điểm thực tế cho 2) và được làm tròn 0,5 thành 1. Ví dụ: điểm thực tế của 2 bài kiểm tra Đọc, Viết là 19, quy về thang điểm 10 (9,5 làm tròn số thành 10).

+ Thời gian làm bài: Khối 1: 55 phút ( Đọc hiểu: 20 phút; Phần Viết: 35 phút); Khối 4,5 : 75 phút ( Đọc hiểu: 25 phút; Phần Viết: 50 phút);

+ Mức độ và mạch kiến thức, kỹ năng:

1. Đối với lớp 1:

- Mức 1: Nhận biết: khoảng 50% (5 câu);

- Mức 2: Giải quyết vấn đề có nội dung tương tự: khoảng 30% (3 câu); '

- Mức 3: Biết vận dụng nội dung đã học để giải quyết những vấn đề mới: khoảng 20% (2 câu);

1. Đối với lớp 2,3:

* Mức 1: Nhận biết: khoảng 20%;
* Mức 2: Thông hiểu: khoảng 30%;
* Mức 3: Biết vận dụng giải quyết những vấn đề quen thuộc: khoảng 30%;
* Mức 4: Vận dụng giải quyết vấn đề mới: 20%.

1. Đối với lớp 4,5:

* Mức 1: Nhận biết: khoảng 20%;
* Mức 2: Thông hiểu: khoảng 20%;
* Mức 3: Biết vận dụng giải quyết những vấn đề quen thuộc: khoảng 30%;
* Mức 4: Vận dụng giải quyết vấn đề mới: khoảng 30%.

+ Ra đề kiểm tra theo ma trận

Khung ma trận, mỗi ô trong khung nêu: Mạch kiến thức, kĩ năng cần đánh giá; số câu, số điểm; các mức; tổng số câu, số điểm.

(Tham khảo tài liệu tập huấn hướng dẫn đánh giá học sinh tiểu học môn Tiếng Việt theo Thông tư 22).

Môn Khoa học, Lịch sử & Địa lý:

+ Thời gian làm kiểm tra: từ 35 đến 40 phút.

+ Khoa học: gồm 10 câu hỏi, trong đó: 20% tự luận, 80% trắc nghiệm.

+ Mức độ và mạch kiến thức, kỹ năng

* Mức 1+2: Nhận biết, thông hiểu: khoảng 60%;
* Mức 3: Biết vận dụng giải quyết những vấn đề quen thuộc: khoảng 30%;
* Mức 4: Vận dụng giải quyết vấn đề mới: khoảng 10%.

\*Ra đề kiểm tra theo ma trận

Khung ma trận, mỗi ô trong khung nêu: Mạch kiến thức, kĩ năng cần đánh giá; số câu, số điểm; các mức; tổng số câu, số điểm.

+ Lịch sử & Địa lý: bài kiểm tra mỗi phân môn chiếm 50% số lượng kiến thức của môn. Gồm 10 câu, trong đó: Lịch sử 5 câu, Địa lý 5 câu (tự luận khoảng 40%, trắc nghiệm khoảng 60%).

* Mức độ và mạch kiến thức, kỹ năng
* Mức 1: Nhận biết: khoảng 30%;
* Mức 2: Thông hiểu: khoảng 40%;
* Mức 3: Biết vận dụng giải quyết những vấn đề quen thuộc: khoảng 20%;
* Mức 4: Vận dụng giải quyết vấn đề mới: khoảng 10%.
* Ra đề kiêm tra theo ma trận

Khung ma trận, mỗi ô trong khung nêu: Mạch kiến thức, kĩ năng cần đánh giá; số câu, số điểm; các mức; tổng số câu, số điểm.

+ Các yêu câu đôi với câu hỏi trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn:

* Câu hỏi phải đánh giá những nội dung quan trọng của chương trình;
* Câu hỏi phải phù hợp với các tiêu chí ra đề kiểm tra về mặt trình bày và số điểm tương ứng;
* Câu dẫn phải đặt ra câu hỏi trực tiếp hoặc một vấn đề cụ thể;
* Không nên trích dẫn nguyên văn những câu có sẵn trong sách giáo khoa;
* Từ ngữ, cấu trúc của câu hỏi phải rõ ràng và dễ hiểu đối với mọi học sinh;
* Mỗi phương án nhiễu phải hợp lý đối với những học sinh không nắm vững kiến thức;
* Mỗi phương án sai nên xây dựng dựa trên các lỗi hay nhận thức sai lệch của học sinh;
* Đáp án đúng của câu hỏi này phải độc lập với đáp án đúng của các câu hỏi khác trong bài kiểm tra;
* Phần lựa chọn phải thống nhất và phù hợp với nội dung của câu dẫn;
* Mỗi câu hỏi chỉ có một đáp án đúng, chính xác nhất;
* Hạn chế đưa ra phương án “Tất cả các đáp án trên đều đúng” hoặc “không có phưong án nào đúng”.

+ Các yêu cầu đối với câu hỏi tự luận:

* Câu hỏi phải phù hợp với các tiêu chí ra đề kiểm tra về mặt trình bày và số điểm tương ứng;
* Câu hỏi yêu cầu học sinh phải vận dụng kiến thức vào các tình huống

mới;

* Câu hỏi thể hiện rõ nội dung và cấp độ tư duy cần đo;
* Nội dung câu hỏi đặt ra một yêu cầu và các hướng dẫn cụ thể về cách thực hiện yêu cầu đó;
* Yêu cầu của câu hỏi phù hợp với trình độ và nhận thức của học sinh;
* Yêu cầu học sinh phải hiểu nhiều hơn là ghi nhớ những khái niệm, thông tin.

Môn Tin hoc:

*+ .Thời gian làm bài kiểm tra: 35 phút*

Bài kiểm tra tin học gồm 40% thời gian cho bài tập lý thuyết và 60% cho bài tập thực hành.

\* Mức độ và mạch kiến thức, kỹ năng

1. Đối với lớp 3:

* Mức 1: Nhận biết: khoảng 15%;
* Mức 2: Thông hiểu: khoảng 25%;
* Mức 3: Biết vận dụng giải quyết những vấn đề quen thuộc: khoảng 30%;
* Mức 4: Vận dụng giải quyết vấn đề mới: khoảng 30%.

1. Đối với lớp 4:

* Mức 1: Nhận biết: khoảng 20%;
* Mức 2: Thông hiểu: khoảng 20%;
* Mức 3: Biết vận dụng giải quyết những vấn đề quen thuộc: khoảng 30%;
* Mức 4: Vận dụng giải quyết vấn đề mới: khoảng 30%.

1. Đối với lớp 5:

* Mức 1: Nhận biết: khoảng 30%;
* Mức 2: Thông hiểu: khoảng 10%;
* Mức 3: Biết vận dụng giải quyết những vấn đề quen thuộc: khoảng 30%;
* Mức 4: Vận dụng giải quyết vấn đề mới: khoảng 30%.

*+ Ra đề kiểm tra theo ma trận*

Khung ma trận, mỗi ô trong khung nêu: Mạch kiến thức, kĩ năng cần đánh giá; số câu, số điểm; các mức; tổng số câu, số điểm.

+ Đề kiểm tra:

* Giáo viên tin học dạy khối lớp nào thì ra đề kiểm tra cho khối lớp đó, mỗi khối chuẩn bị ba đề kiểm tra (Đề 1, 2, 3: Nội dung và hình thức giống nhau nhưng trộn lẫn các phương án, đáp án của các câu hỏi) và cho tiến hành kiểm tra ngẫu nhiên một trong các đề kiểm tra này ***(cô Hồng Nhung khối 3 và khối 4; cô Thùy Vân khối 5)***
* Đề kiểm tra bám sát chuẩn kiến thức, kỹ năng của môn tin học, đề kiểm tra bao gồm hai phần: cho phần lý thuyết và cho thực hành;
* Khuyến khích ra đề kiểm tra lý thuyết dưới dạng trắc nghiệm, có thế sử dụng các phần mềm tạo trắc nghiệm để chuấn bị sẵn cho học sinh làm bài trắc nghiệm ngay trên máy tính;
* Đề kiểm tra thực hành bảo đảm có nhiều dạng bài tập từ cơ bản (thực hành theo mẫu cho sẵn) đến nâng cao (thực hành sáng tạo).

Môn tiếng **Anh**: (tăng cường tiếng Anh- tiếng Anh tự chọn - tiếng Anh đề án)

*+ Thời gian làm bài kiểm tra:* 35 phút

1. Tiếng Anh tăng cường lớp 1,2 giáo trình Phonics; giáo trình iSMART:

**- Khối 1,2,3:** Văn phòng VPBox sẽ gửi bài kiểm tra theo kế hoạch kiểm tra cuối năm học của các trường tham gia giảng dạy.

- Giáo trình iSMART ( 03 lớp Một: 1.1; 1.2; 1.3 ; 03 lớp Hai: 2.1; 2.2; 2.3; 03 lớp Ba: 3.1; 3.2; 3.3 ) sẽ do giáo viên trực tiếp giảng dạy ra đề, coi và chấm bài kiểm tra, thống kê điểm gởi cho bộ phận chuyên môn trường và giáo viên chủ nhiệm để báo cáo.

**- Khối 4, 5:**

- Giáo trình iSMART ( 04 lớp Bốn: 4.1; 4.2; 4.3; 4.4) sẽ do giáo viên trực tiếp giảng dạy ra đề, coi và chấm bài kiểm tra, thống kê điểm gởi cho bộ phận chuyên môn trường và giáo viên chủ nhiệm để báo cáo.

- Giáo viên dạy môn Tiếng Anh theo chương trình của Bộ chịu trách nhiệm ra đề và hướng dẫn chấm ***(Cô Duyên, Cô Tuyết Vân; Cô Nguyệt ra đề khối 4; Cô Thắm ; Cô Linh, Cô Sáu ra đề khối 5)***

1. Tiếng Anh theo đề án: Mức độ và mạch kiến thức, kỹ năng:

* Mức 1: Nhận biết: khoảng 5%;
* Mức 2: Thông hiểu: khoảng 40%;
* Mức 3: Biết vận dụng giải quyết những vấn đề quen thuộc: khoảng 40%;
* Mức 4: Vận dụng giải quyết vấn đề mới: khoảng 15%.

+ Ra đề kiếm tra theo ma trận

Khung ma trận, mỗi ô trong khung nêu: Mạch kiến thức, kĩ năng cần đánh giá; số câu, số điểm; các mức; tổng số câu, số điểm.

\* Lớp 3:

1. Listening: 16 câu (40%)

2.Reading : 8 câu ( 20%)

3. Writing: 8 câu ( 20%)

4. Speaking: 8 câu ( 20%)

\* Lớp 4:

1. Listening: 14 câu (35%)

2.Reading : 10 câu ( 25%)

3. Writing: 8 câu ( 20%)

4. Speaking: 8 câu ( 20%)

\* Lớp 5:

1. Listening: 10 câu (25%)

2.Reading : 10 câu ( 25%)

3. Writing: 10 câu ( 25%)

4. Speaking: 10 câu ( 25%)

**Lưu ý: đối với lớp 4:**

- Phần nghe giao động từ 30% - 35% nên nếu giáo viên thiết kế 30% thì 12 câu, nếu 35% thì 14 câu.

- Phần đọc và viết giao động từ 45% - 50% nên nếu giáo viên thiết kế 45% thì 18 câu, nếu 50% thì 20 câu.

Lưu ý chung: khi đánh giá giáo viên cần tham khảo bảng tham chiếu chuẩn đánh giá cuối năm học môn tiếng Anh của từng khối lớp theo tài liệu hướng dẫn của Thông tư 22.

**6. Thực hiện chế độ báo cáo:**

Sau mỗi kỳ kiểm tra giáo viên và tổ trưởng chuyên môn thực hiện báo cáo kết quả chất lượng giảng dạy theo các mẫu nhà trường quy định.

Trên đây là những quy định thống nhất về tổ chức đánh giá học sinh tiểu học thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông ứng phó dịch Covid-19 của trường tiểu học Võ Thị Sáu./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - BLĐ trường THVTS (để t/ dõi);  - TKT, GV (để t/hiện)  - Lưu: VT. | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Văn Bơ** |